

THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI VIỆC SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Duyên

Học viên cao học K34 - Trường Khoa học Giáo dục, Trường ĐHSP Hà Nội

Tóm tắt: Thái độ là một yếu tố quan trọng phản ánh sự đánh giá và khuynh hướng phản ứng của cá nhân đối với một đối tượng nhất định. Đối với việc sử dụng AI trong học tập, thái độ của sinh viên được biểu hiện thông qua ba thành phần: nhận thức, cảm xúc và xu hướng hành vi. Sinh viên có thể nhận thức được những lợi ích của AI nhưng đồng thời lo ngại về các rủi ro; có thể cảm thấy hứng thú khi sử dụng nhưng vẫn thiếu tin tưởng vào độ chính xác của thông tin. Những biểu hiện này cho thấy cần nghiên cứu thái độ một cách toàn diện, thay vì chỉ xem xét tần suất sử dụng hoặc mức độ chấp nhận công nghệ. Đã có nhiều công trình nghiên cứu đã quan tâm đến việc ứng dụng AI trong giáo dục đại học, đặc biệt là nhận thức về tính hữu ích, sự chấp nhận và ý định sử dụng AI của sinh viên. Một số nghiên cứu cũng đã tiếp cận thái độ theo các thành phần tâm lý. Tuy nhiên, việc tiếp tục nghiên cứu dựa trên lý luận và thực chứng khoa học về thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập theo cấu trúc nhận thức, cảm xúc và xu hướng hành vi, gắn với bối cảnh cụ thể của sinh viên tại các trường đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội, vẫn có ý nghĩa quan trọng để có thể nhận diện tường minh hơn nữa và đưa ra được những khuyến nghị cho các đối tượng liên quan.

Từ khóa: Học tập, sinh viên, thái độ, Thành phố Hà Nội, trí tuệ nhân tạo (AI).

STUDENTS' ATTITUDES TOWARD THE USE OF ARTIFICIAL INTELLIGENCE IN LEARNING IN HANOI

Abstract: Attitude is a crucial factor reflecting an individual's evaluation of and behavioral tendencies toward a specific object. Regarding the use of AI in learning, students' attitudes manifest through three components: cognition, emotion, and behavioral tendency. Students may recognize the benefits of AI while simultaneously worrying about the risks; they might feel excited about using it yet lack confidence in the accuracy of the information provided. These manifestations indicate a need for a comprehensive study of attitudes, rather than merely examining usage frequency or the level of technology acceptance. Numerous studies have addressed AI applications in higher education, particularly focusing on students' perceptions of usefulness, acceptance, and intentions to use AI. Some research has also approached the concept of attitude through psychological components. However, further research—grounded in theory and empirical evidence—into attitudes toward AI use in learning (structured around cognition, emotion, and behavioral tendency) within the specific context of university students in Hanoi remains significant. Such research allows for a clearer understanding of the issue and the formulation of recommendations for relevant stakeholders.

Keywords: Learning, students, attitude, Hanoi, artificial intelligence (AI).

Nhận bài: 10/09/2026

Phản biện: 11/10/2026

Duyệt đăng: 14/10/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence – AI) mở ra nhiều cơ hội hỗ trợ học tập ở bậc đại học. Các công cụ như ChatGPT, Google Gemini, Microsoft Copilot và Claude giúp sinh viên tìm kiếm thông tin, giải thích kiến thức, tóm tắt tài liệu, phát triển ý tưởng và thực hiện nhiệm vụ học tập.

Tuy nhiên, thông tin từ AI có thể thiếu chính xác, thiếu nguồn kiểm chứng hoặc không phù hợp. Lạm dụng AI còn tiềm ẩn nguy cơ phụ thuộc, giảm tính chủ động, tư duy độc lập và phát sinh vấn đề về liêm chính học thuật. Vì vậy, cần xem xét cách sinh viên nhận thức, đánh giá và định hướng sử dụng AI.

Bài viết làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên tại Hà Nội, từ đó đề xuất khuyến nghị cho các đối tượng liên quan.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Các khái niệm

Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD, 2024), AI là hệ thống dựa trên máy, có khả năng suy ra từ dữ liệu đầu vào cách tạo ra dự đoán, nội dung, khuyến nghị hoặc quyết định, có thể tác động đến môi trường vật lý hoặc ảo. Trong bài viết, AI được tiếp cận dưới góc độ các công cụ hoặc chức năng có ứng dụng AI hỗ trợ sinh viên thực hiện nhiệm vụ học tập.

Kế thừa quan điểm của Allport (1935), Eagly và Chaiken (1993), Breckler (1984), nghiên cứu xác định thái độ là khuynh hướng tâm lý mang tính đánh giá đối với một đối tượng, được hình thành và biến đổi qua kinh nghiệm, biểu hiện qua nhận thức, cảm xúc và xu hướng hành vi có liên hệ với nhau.

Sinh viên có thể sử dụng AI để tìm kiếm, xử lý thông tin, giải thích kiến thức, phát triển ý tưởng,

hỗ trợ viết, dịch thuật, lập trình, phân tích dữ liệu và ôn tập. Chan và Hu (2023) ghi nhận sinh viên nhận thấy lợi ích của AI tạo sinh trong học tập cá nhân hóa, phát triển ý tưởng và thực hiện nhiệm vụ học thuật. Theo đó, sử dụng AI trong học tập là quá trình sinh viên lựa chọn, tương tác và khai thác công cụ AI để hỗ trợ nhiệm vụ, đồng thời giữ vai trò chủ động trong tiếp nhận, đánh giá và vận dụng thông tin.

Trên cơ sở cách tiếp cận ba thành phần của Breckler (1984) và các nghiên cứu của Acosta-Enriquez và cộng sự (2024), Katsantonis A. và Katsantonis I. G. (2024), thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập là khuynh hướng đánh giá của sinh viên đối với việc sử dụng công cụ AI hỗ trợ nhiệm vụ học tập, biểu hiện qua nhận thức, cảm xúc và xu hướng hành vi.

2.2. Biểu hiện thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên

2.2.1. Biểu hiện về mặt nhận thức

Thành phần nhận thức gồm bốn nhóm biểu hiện:

Thứ nhất, nhận thức về lợi ích: đánh giá khả năng AI hỗ trợ tiếp cận kiến thức, xử lý thông tin, phát triển ý tưởng, tự học, giải quyết nhiệm vụ và tiết kiệm thời gian.

Thứ hai, nhận thức về độ chính xác và giới hạn: nhận biết thông tin từ AI có thể sai, thiếu hoặc không phù hợp, từ đó thấy cần đối chiếu với nguồn đáng tin cậy.

Thứ ba, nhận thức về nguy cơ phụ thuộc: đánh giá việc sử dụng thiếu kiểm soát có thể hạn chế cơ hội tự suy nghĩ, phân tích và giải quyết vấn đề.

Thứ tư, nhận thức về trách nhiệm và liêm chính học thuật: đánh giá sự cần thiết của việc tránh sao chép máy móc, tuân thủ yêu cầu trung thực và chịu trách nhiệm với sản phẩm học tập. Miao và Holmes (2023) cũng nhấn mạnh đạo đức và trách nhiệm của con người khi sử dụng AI tạo sinh.

2.2.2. Biểu hiện về mặt cảm xúc

Thành phần cảm xúc gồm hai nhóm: cảm xúc tích cực như hứng thú, thoải mái, yêu thích, hài

lòng khi AI đáp ứng nhu cầu học tập; và cảm xúc tiêu cực, lo ngại như lo lắng, e ngại, bất an về độ chính xác, nguy cơ phụ thuộc hoặc trách nhiệm học thuật.

Hai nhóm cảm xúc có thể đồng thời xuất hiện: sinh viên vừa hài lòng với sự thuận tiện, vừa lo ngại về rủi ro. Vì vậy, cảm xúc tiêu cực không mặc nhiên thể hiện sự phản đối AI, và hai nhóm không được xem là hai cực đối lập của một thang đo đơn nhất khi chưa có kiểm định phù hợp.

2.2.3. Biểu hiện về mặt xu hướng hành vi

Thành phần xu hướng hành vi gồm ba nhóm biểu hiện:

Thứ nhất, sẵn sàng và chủ động sử dụng: có ý định lựa chọn, tìm hiểu và tiếp tục sử dụng AI phù hợp với nhiệm vụ, không đồng nghĩa với sử dụng trong mọi tình huống.

Thứ hai, sử dụng có kiểm soát: sẵn sàng kiểm chứng, chọn lọc, đối chiếu và điều chỉnh kết quả AI trước khi vận dụng, qua đó duy trì vai trò chủ động. Kasneci và cộng sự (2023) nhấn mạnh sự cần thiết của tư duy phản biện và kiểm chứng thông tin khi sử dụng mô hình ngôn ngữ lớn trong giáo dục.

Thứ ba, sử dụng có trách nhiệm: sẵn sàng tuân thủ liêm chính học thuật, tránh sao chép máy móc và chịu trách nhiệm về sản phẩm học tập. Nhận thức được nguy cơ sao chép chưa đồng nghĩa với ý định chủ động tránh sao chép.

Các xu hướng trên phản ánh định hướng ứng xử, cần phân biệt với hành vi sử dụng thực tế như tần suất, thời lượng và mục đích sử dụng AI.

2.3. Các tiêu chí đánh giá thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên

Việc xác định các tiêu chí đánh giá nhằm cụ thể hóa những biểu hiện tâm lý thành các nội dung có thể quan sát và đo lường thông qua bảng hỏi khảo sát. Các tiêu chí được lựa chọn dựa trên mô hình ba thành phần của thái độ (Breckler, 1984; Eagly & Chaiken, 1993) và các nghiên cứu liên quan đến việc sử dụng AI trong giáo dục đại học.

Bảng 1. Hệ thống tiêu chí và chỉ báo đánh giá thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên

Thành phần	Tiêu chí đánh giá	Chỉ báo chủ yếu	Cơ sở lý luận / nghiên cứu
Nhận thức	Lợi ích và giá trị hỗ trợ học tập	Đánh giá về khả năng hỗ trợ tiếp cận thông tin, giải thích kiến thức, phát triển ý tưởng và tự học	Kasneci và cộng sự (2023); Chan & Hu (2023)

Nhận thức	Độ chính xác và giới hạn của AI	Đánh giá về khả năng xuất hiện thông tin sai lệch, thiếu chính xác và sự cần thiết phải kiểm chứng	Kasneci và cộng sự (2023)
Nhận thức	Nguy cơ phụ thuộc và tư duy độc lập	Đánh giá về nguy cơ phụ thuộc vào AI và yêu cầu duy trì vai trò chủ động của người học	Kasneci và cộng sự (2023); Chan & Hu (2023)
Nhận thức	Trách nhiệm và liêm chính học thuật	Đánh giá về trách nhiệm đối với nội dung, hạn chế sao chép và tuân thủ quy định học thuật	Cotton và cộng sự (2024); Miao & Holmes (2023)
Cảm xúc	Cảm xúc tích cực	Hứng thú, thoải mái, yêu thích và hài lòng khi sử dụng AI trong học tập	Breckler (1984); Acosta-Enriquez và cộng sự (2024)
Cảm xúc	Cảm xúc tiêu cực, lo ngại	Lo lắng, e ngại, bất an khi sử dụng AI trong học tập	Acosta-Enriquez và cộng sự (2024); Katsantonis & Katsantonis (2024)
Xu hướng hành vi	Sẵn sàng và chủ động sử dụng	Sẵn sàng lựa chọn, tiếp cận và tiếp tục sử dụng AI khi phù hợp với nhiệm vụ học tập	Acosta-Enriquez và cộng sự (2024)
Xu hướng hành vi	Sử dụng có kiểm soát	Sẵn sàng kiểm chứng, chọn lọc và điều chỉnh nội dung do AI cung cấp	Kasneci và cộng sự (2023)
Xu hướng hành vi	Sử dụng có trách nhiệm	Sẵn sàng duy trì tư duy độc lập, hạn chế sao chép và tuân thủ chuẩn mực học thuật	Cotton và cộng sự (2024); Miao & Holmes (2023)

Hệ thống tiêu chí là cơ sở xây dựng các biến quan sát, gồm: nhận thức phản ánh niềm tin và đánh giá; cảm xúc phản ánh trải nghiệm tình cảm; xu hướng hành vi phản ánh sự sẵn sàng và định hướng sử dụng AI trong học tập. Loại công cụ, mục đích, tần suất và kinh nghiệm sử dụng là đặc điểm sử dụng AI, phục vụ mô tả mẫu hoặc phân tích khi dữ liệu cho phép, không đồng nhất với thái độ.

Việc tổng hợp chỉ báo thành điểm thành phần hoặc điểm thái độ chung phải dựa trên nội dung

và kết quả kiểm định thang đo. Không mặc nhiên gộp cảm xúc tích cực, tiêu cực hoặc các nhóm xu hướng hành vi khi thiếu cơ sở lý luận và bằng chứng thống kê. Hệ thống tiêu chí này định hướng thiết kế công cụ, thu thập dữ liệu và phân tích thực trạng thái độ của sinh viên.

2.4. Thực trạng thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên

2.4.1. Thực trạng nhận thức của sinh viên đối với việc sử dụng AI trong học tập

Bảng 2. Thống kê mô tả các chỉ báo thuộc thành phần nhận thức

Mã	Nội dung nhận thức	ĐTB	ĐLC	Đồng ý (%)
C1	AI hỗ trợ xử lý tài liệu học tập	3,24	1,12	41,0
C2	AI giúp tiếp cận nhiều góc nhìn	3,33	1,16	47,1
C3	AI hỗ trợ cá nhân hóa học tập	3,29	1,07	44,3
C4	AI giúp tiết kiệm thời gian học tập	3,37	1,15	50,0
C5	Nhận thức về giới hạn độ chính xác của AI	3,39	1,06	48,6
C6	Cần kiểm chứng thông tin từ AI	3,28	1,14	42,9
C7	Cần duy trì tư duy độc lập	3,43	1,06	48,6

C8	Nhận thức về tính trung thực học thuật	3,41	1,13	50,5
C9	Trách nhiệm đối với nội dung có hỗ trợ AI	3,41	1,15	48,6
C10	Cần tuân thủ quy định về sử dụng AI	3,17	1,14	40,0
Nhận thức chung		3,33	0,71	—

Nguồn: Số liệu thống kê từng chỉ báo từ dữ liệu; điểm thành phần được đối chiếu với SPSS, $N = 210$. ĐTB: Điểm trung bình; DLC: Độ lệch chuẩn. Tỷ lệ đồng ý gồm mức 4 và 5.

Kết quả tại Bảng 2 cho thấy thành phần nhận thức có điểm trung bình chung 3,33, thuộc mức trung bình; điểm của 10 chỉ báo dao động từ 3,17 đến 3,43, với độ lệch chuẩn từ 1,06 đến 1,16, phản ánh sự khác biệt giữa các cá nhân.

Trong nhóm lợi ích, C4 về tiết kiệm thời gian đạt điểm cao nhất (3,37), với 50,0% sinh viên đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý. Tiếp theo là tiếp cận nhiều góc nhìn (3,33), cá nhân hóa học tập (3,29) và hỗ trợ xử lý tài liệu (3,24). Không chỉ báo nào trong nhóm có tỷ lệ đồng ý vượt quá một nửa số quan sát.

Về giới hạn và yêu cầu sử dụng, C7 về duy trì tư duy độc lập đạt 3,43, cao nhất toàn bộ thành phần; C5 về giới hạn độ chính xác đạt 3,39, còn C6 về kiểm chứng thông tin đạt 3,28. Trong nhóm trách nhiệm học thuật, C8–C9 cùng đạt 3,41, trong khi C10 về tuân thủ quy định của giảng viên và nhà trường đạt 3,17, thấp nhất.

Các kết quả gợi ý sinh viên đồng thuận với

nguyên tắc tự chủ và trách nhiệm khái quát hơn yêu cầu tuân thủ cụ thể. Tuy nhiên, chênh lệch điểm chỉ mang tính mô tả, chưa chứng minh khác biệt có ý nghĩa thống kê hoặc khoảng cách giữa nhận thức và hành vi. C7 cao hơn C4 cũng cho thấy sinh viên ghi nhận cả lợi ích hiệu suất và yêu cầu duy trì vai trò chủ động. Do các chỉ báo bao gồm lợi ích, rủi ro và chuẩn mực học thuật, điểm chung 3,33 cần được hiểu là mức đồng thuận với các phát biểu nhận thức, không phải mức độ yêu thích AI.

2.4.2. Thực trạng cảm xúc của sinh viên đối với việc sử dụng AI trong học tập

Thành phần cảm xúc được đánh giá thông qua tám chỉ báo, trong đó D1–D4 phản ánh cảm xúc tích cực và D5–D8 phản ánh cảm xúc không tích cực. Để bảo đảm ý nghĩa diễn giải, thống kê từng chỉ báo được trình bày theo điểm trả lời gốc. Riêng điểm cảm xúc tổng hợp sử dụng các biến D5–D8 sau đảo chiều.

Bảng 3. Thống kê mô tả các chỉ báo thuộc thành phần cảm xúc

Mã	Nội dung cảm xúc	ĐTB	ĐLC	Đồng ý (%)
Cảm xúc tích cực				
D1	Hứng thú khi sử dụng AI hỗ trợ học tập	3,42	1,13	50,5
D2	Hài lòng khi AI cung cấp kết quả hữu ích	3,44	1,12	50,5
D3	Tự tin hơn khi có AI hỗ trợ	3,10	1,19	40,5
D4	Bớt căng thẳng khi thực hiện nhiệm vụ khó	3,36	1,07	45,2
Cảm xúc không tích cực				
D5	Lo lắng về sự phụ thuộc vào AI	2,85	1,16	27,6
D6	E ngại về độ chính xác của thông tin AI	2,50	1,05	15,7
D7	Bất an về khả năng tư duy độc lập	2,75	1,16	22,9
D8	Lo lắng về vi phạm quy định học thuật	2,55	1,07	18,1
Cảm xúc chung		3,33	0,78	—

Nguồn: Số liệu thống kê từng chỉ báo từ dữ liệu; điểm thành phần được đối chiếu với SPSS, $N = 210$.

D1–D8 sử dụng điểm gốc, điểm cảm xúc chung sử dụng các biến đảo chiều D5_R–D8_R.

Trong nhóm cảm xúc tích cực, D2 về hài lòng đạt 3,44, D1 về hứng thú đạt 3,42, cùng có 50,5% sinh viên đồng ý. Giảm căng thẳng đạt 3,36, còn D3 về tự tin đạt 3,10, với 40,5% đồng ý. Sự hài lòng và hứng thú vì vậy chưa đồng nghĩa với tự tin

hơn trong học tập.

Trong nhóm cảm xúc không tích cực, D5 về lo phụ thuộc đạt 2,85, với 27,6% đồng ý; D7 về bất an đối với tư duy độc lập đạt 2,75, D8 về lo vi phạm quy định đạt 2,55 và D6 về e ngại độ

chính xác đạt 2,50. Chênh lệch chỉ mang tính mô tả; mức lo ngại thấp không chứng minh thiếu nhận thức về rủi ro.

Sau đào chiều D5–D8, điểm cảm xúc chung đạt 3,33, độ lệch chuẩn 0,78, thuộc mức trung bình. Điểm này kết hợp cảm xúc tích cực với mức thấp hơn của cảm xúc không tích cực; việc sử dụng cần có bằng chứng về cấu trúc thang đo, vì hai nhóm không mặc nhiên là hai cực đối lập.

2.4.3. Thực trạng xu hướng hành vi của sinh viên đối với việc sử dụng AI trong học tập

Thành phần xu hướng hành vi đạt điểm trung bình 3,39, thuộc mức trung bình. Trong sáu chỉ báo, E2 về dự định tiếp tục sử dụng AI cao nhất (3,60), với 57,6% sinh viên đồng ý; E1 về sẵn sàng sử dụng khi phù hợp đạt 3,37, với 51,0% đồng ý. Đây là những ý định tự báo cáo, chưa phản ánh tần suất sử dụng thực tế hoặc hành vi tương lai.

Về sử dụng có kiểm soát, E3 về kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh kết quả đạt 3,44; E4 về kết hợp với nguồn tài liệu khác đạt 3,35; E5 về duy trì tư duy độc lập đạt 3,34. E6 về tuân thủ quy định học thuật thấp nhất (3,25), thấp hơn E2 0,35 điểm. Kết quả gợi ý ý định tiếp tục sử dụng nổi bật hơn các định hướng kiểm soát và trách nhiệm, nhưng chưa chứng minh khác biệt có ý nghĩa thống kê hoặc sự thiếu nhất quán ở từng cá nhân.

C10 (3,17) và E6 (3,25) cùng có điểm thấp nhất trong nhóm tương ứng, gợi mở nhu cầu làm rõ cách sinh viên hiểu và vận dụng quy định học thuật. Sự tương đồng này chưa chứng minh mối liên hệ thống kê giữa hai chỉ báo hoặc cho thấy quy định hiện hành thiếu hiệu quả.

2.4.4. Đánh giá chung về thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên

Điểm trung bình của ba thành phần nhận thức, cảm xúc và xu hướng hành vi lần lượt là 3,331; 3,335; 3,393, đều thuộc mức trung bình. Chênh lệch nhỏ và chưa được kiểm định nên chưa thể khẳng định thành phần nào nổi trội về mặt thống kê. Độ lệch chuẩn tương ứng là 0,707; 0,777; 0,830, phản ánh mức biến thiên quan sát được, không tự chứng minh khác biệt về độ phân tán.

Các thành phần có trọng tâm khác nhau: nhận thức bao gồm lợi ích, giới hạn và trách nhiệm, nổi bật ở yêu cầu duy trì tư duy độc lập; cảm xúc thể hiện sự hài lòng, hứng thú cùng những lo ngại;

xu hướng hành vi nổi bật ở dự định tiếp tục sử dụng, trong khi định hướng kiểm soát và tuân thủ có mức đồng thuận thấp hơn. Những kết quả này chưa chứng minh sự thiếu nhất quán ở từng sinh viên.

Vì vậy, nghiên cứu sử dụng riêng ba điểm thành phần trong các phép so sánh nhóm, thay vì gộp thành điểm thái độ chung, nhằm giữ lại sự khác biệt về nội dung.

2.5. Các khuyến nghị đối với việc sử dụng kết quả nghiên cứu

2.5.1. Đối với sinh viên

Sinh viên cần nhận diện đồng thời lợi ích và giới hạn của AI, sử dụng công nghệ để hỗ trợ học tập và duy trì vai trò chủ động. Cần kiểm chứng kết quả bằng tài liệu đáng tin cậy, rèn luyện kỹ năng đặt câu hỏi, chọn lọc và điều chỉnh nội dung, đồng thời tự phân tích, giải quyết nhiệm vụ. Việc sử dụng phải tuân thủ liên chính học thuật, quyền tác giả và quy định của cơ sở đào tạo.

2.5.2. Đối với giảng viên

Giảng viên cần xác định rõ phạm vi sử dụng AI trong từng nhiệm vụ, hướng dẫn sinh viên đối chiếu nguồn, phát hiện sai sót và đánh giá lập luận. Các nguyên tắc trích dẫn, công khai mức độ sử dụng AI và trung thực học thuật cần được giải thích cụ thể. Đánh giá nên chú trọng quá trình tư duy, khả năng giải thích và vận dụng kiến thức, bên cạnh sản phẩm cuối cùng.

2.5.3. Đối với các cơ sở giáo dục đại học

Nhà trường có thể tham khảo kết quả để tổ chức tập huấn về khai thác AI, kiểm chứng thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và đạo đức học thuật. Hướng dẫn cần dễ tiếp cận, phân biệt hình thức sử dụng được chấp nhận, trường hợp phải công khai và hành vi có nguy cơ vi phạm. Hoạt động hỗ trợ nên phù hợp với ngành đào tạo, năm học, kinh nghiệm sử dụng và được điều chỉnh qua khảo sát định kỳ.

2.5.4. Đối với các nghiên cứu tiếp theo

Cần mở rộng, đa dạng hóa mẫu và cân nhắc chọn mẫu xác suất để nâng cao khả năng khái quát. Công cụ đo lường cần được hoàn thiện, phân biệt rõ lợi ích, rủi ro, cảm xúc tích cực, tiêu cực và xu hướng hành vi; đồng thời kiểm định cấu trúc bằng phân tích nhân tố khẳng định trên mẫu độc lập. Các nghiên cứu có thể sử dụng tương quan,

hồi quy hoặc mô hình cấu trúc tuyến tính để kiểm tra mối liên hệ, kết hợp thiết kế theo thời gian hoặc can thiệp để đánh giá sự thay đổi sau hướng dẫn sử dụng AI.

III. KẾT LUẬN

Nghiên cứu tiếp cận thái độ đối với việc sử dụng AI trong học tập của sinh viên qua ba thành phần: nhận thức, cảm xúc và xu hướng hành vi. Kết

quả cho thấy cả ba đều ở mức trung bình nhưng có những trọng tâm khác nhau, cần được xem xét riêng thay vì giản lược thành một điểm chung. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất khuyến nghị cho sinh viên, giảng viên, cơ sở giáo dục đại học và nghiên cứu tiếp theo, hướng tới sử dụng AI chủ động, có kiểm soát và có trách nhiệm. Hiệu quả của các khuyến nghị cần được tiếp tục kiểm chứng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Acosta-Enriquez, B. G., Arbulú Ballesteros, M. A., Huamaní Jordan, O., López Roca, C., & Saavedra Tirado, K. (2024a). Analysis of college students' attitudes toward the use of ChatGPT in their academic activities: Effect of intent to use, verification of information and responsible use. *BMC Psychology*12, Article 255. <https://doi.org/10.1186/s40359-024-01764-z>
- Acosta-Enriquez, B. G., Arbulú Pérez Vargas, C. G., Huamaní Jordan, O., Arbulú Ballesteros, M. A., & Paredes Morales, A. E. (2024b). Exploring attitudes toward ChatGPT among college students: An empirical analysis of cognitive, affective, and behavioral components using path analysis. *Computers and Education: Artificial Intelligence*7, Article 100320. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2024.100320>
- Allport, G. W. (1935). Attitudes. In C. Murchison (Ed.), *A handbook of social psychology* (pp. 798–844). Clark University Press.
- Breckler, S. J. (1984). Empirical validation of affect, behavior, and cognition as distinct components of attitude. *Journal of Personality and Social Psychology*47(6), 1191–1205. <https://doi.org/10.1037/0022-3514.47.6.1191>
- Chan, C. K. Y., & Hu, W. (2023). Students' voices on generative AI: Perceptions, benefits, and challenges in higher education. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*20, Article 43. <https://doi.org/10.1186/s41239-023-00411-8>
- Eagly, A. H., & Chaiken, S. (1993). *The psychology of attitudes*. Harcourt Brace Jovanovich.
- Katsantonis, A., & Katsantonis, I. G. (2024). University students' attitudes toward artificial intelligence: An exploratory study of the cognitive, emotional, and behavioural dimensions of AI attitudes. *Education Sciences*14(9), Article 988. <https://doi.org/10.3390/educsci14090988>
- Kasneci, E., Sessler, K., Küchemann, S., Bannert, M., Dementieva, D., Fischer, F., Gasser, U., Groh, G., Günemann, S., Hüllermeier, E., Krusche, S., Kutyniok, G., Michaeli, T., Nerdel, C., Pfeffer, J., Poquet, O., Sailer, M., Schmidt, A., Seidel, T., ... Kasneci, G. (2023). ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. *Learning and Individual Differences*103, Article 102274. <https://doi.org/10.1016/j.lindif.2023.102274>
- Miao, F., & Holmes, W. (2023). Guidance for generative AI in education and research. UNESCO. <https://doi.org/10.54675/EWZM9535>
- OECD. (2024). *Recommendation of the Council on Artificial Intelligence*. OECD Publishing